

THCS-THPT TÂN LỘC

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 6 Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025

| STT | Họ và tên           | Lớp | Kết quả  |           | Ghi chú      |
|-----|---------------------|-----|----------|-----------|--------------|
|     |                     |     | Học tập  | Rèn luyện |              |
| 1   | Phạm Đăng Khôi      | 6A1 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 2   | Đào Văn Mun         | 6A1 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 3   | Nguyễn Trọng Nguyễn | 6A1 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 4   | Trần Trọng Nhân     | 6A2 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 5   | Nguyễn Quốc Đại     | 6A2 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 6   | Nguyễn Hải Đăng     | 6A2 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 7   | Liều Gia Hân        | 6A2 | Chưa đạt | Khá       | Vắng thi lại |
| 8   | Lâm Bảo Xuyên       | 6A2 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 9   | Trần Gia Hào        | 6A3 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 10  | Từ Thanh Lâm        | 6A3 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 11  | Trần Minh Phước     | 6A4 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 12  | Nguyễn Khánh Thuận  | 6A4 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 13  | Trịnh Hoài An       | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 14  | Nguyễn Duy Bằng     | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 15  | Danh Thanh Huy      | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 16  | Hữu Đăng Khôi       | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 17  | Lê Thái Thuận       | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 18  | Trần Nhật Khang     | 6A5 | Chưa đạt | Khá       |              |

DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 7 Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025

| STT | Họ và tên         | Lớp | Kết quả  |           | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----|----------|-----------|---------|
|     |                   |     | Học tập  | Rèn luyện |         |
| 1   | Bùi Văn Gấu       | 7A1 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 2   | Nguyễn Việt Phi   | 7A1 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 3   | Lê Gia Bảo        | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 4   | Nguyễn Tuấn Duy   | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 5   | Phạm Nhật Duy     | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 6   | Phạm Thị Ngọc Hân | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 7   | Lê Ngọc Khả       | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 8   | Phạm Thành Lộc    | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 9   | Lưu Trọng Nguyễn  | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 10  | Trần Hạo Phi      | 7A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 11  | Lê Nguyễn Dư      | 7A3 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 12  | Vô Hoàng Nguyên   | 7A3 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 13  | Nguyễn Phước Lộc  | 7A3 | Chưa đạt | Khá       |         |

|    |                      |     |          |     |              |
|----|----------------------|-----|----------|-----|--------------|
| 14 | Phan Phúc Ngân       | 7A3 | Chưa đạt | Tốt | Vắng thi lại |
| 15 | Đặng Phan Thành Nhân | 7A3 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 16 | Nguyễn Thịnh         | 7A3 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 17 | Hồ Hoàng Trọng       | 7A3 | Chưa đạt | Khá |              |
| 18 | Nguyễn Trúc Trinh    | 7A3 | Chưa đạt | Tốt | Vắng thi lại |
| 19 | Trần Phương Bình     | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 20 | Nguyễn Kiên Đạt      | 7A4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 21 | Trương Chí Được      | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 22 | Đặng Gia Hân         | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 23 | Lý Trường Khang      | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 24 | Hồ Đăng Khoa         | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 25 | Hứa Thu Vân          | 7A4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 26 | Nguyễn Thị Như Huỳnh | 7A5 | Chưa đạt | Khá |              |
| 27 | Nguyễn Việt Hùng     | 7A5 | Chưa đạt | Khá |              |
| 28 | Vô Duy Khang         | 7A5 | Chưa đạt | Khá |              |
| 29 | Thạch Gia Bảo        | 7A6 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 30 | Phạm Hoàng Long      | 7A6 | Chưa đạt | Khá |              |

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 8 Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025**

| STT | Họ và tên             | Lớp | Kết quả  |           | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----|----------|-----------|---------|
|     |                       |     | Học tập  | Rèn luyện |         |
| 1   | Nguyễn Hoàng Hào      | 8A1 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 2   | Nguyễn Thảo My        | 8A1 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 3   | Nguyễn Nhật Du        | 8A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 4   | Trịnh Quốc Quý        | 8A2 | Chưa đạt | Đạt       |         |
| 5   | Lê Thị Bảo Trâm       | 8A2 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 6   | Trần Hoàng Minh Vỹ    | 8A2 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 7   | Phan Minh Hiếu        | 8A3 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 8   | Giang Di Phát         | 8A3 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 9   | Nguyễn Bé Trâm        | 8A3 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 10  | Nguyễn Nhật Duy       | 8A5 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 11  | Phan Nguyễn Đăng Khôi | 8A5 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 12  | Lê Trọng Phúc         | 8A5 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 13  | Phạm Linh Tường       | 8A5 | Chưa đạt | Tốt       |         |

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 10 Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025**

| STT | Họ và tên           | Lớp  | Kết quả  |           | Ghi chú      |
|-----|---------------------|------|----------|-----------|--------------|
|     |                     |      | Học tập  | Rèn luyện |              |
| 1   | Bùi Diễm Hằng       | 10T2 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 2   | Trần Lý Thị Lan Anh | 10T3 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 3   | Văn Công Hải        | 10T3 | Chưa đạt | Khá       |              |
| 4   | Cao Minh Kha        | 10T3 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 5   | Lý Vinh Khang       | 10T3 | Chưa đạt | Tốt       |              |
| 6   | Bùi Hoàng Linh      | 10T3 | Chưa đạt | Đạt       | Vắng thi lại |
| 7   | Nguyễn Phú Quý      | 10T3 | Chưa đạt | Tốt       |              |

|    |                      |      |          |     |              |
|----|----------------------|------|----------|-----|--------------|
| 8  | Dương Chí Thiện      | 10T3 | Chưa đạt | Khá | Vắng thi lại |
| 9  | Lê Nhân Thức         | 10T3 | Chưa đạt | Khá |              |
| 10 | Phạm Trương Tường Vy | 10T3 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 11 | Huỳnh Tấn Vỹ         | 10T3 | Chưa đạt | Khá |              |
| 12 | Trần Khánh Bằng      | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 13 | Trương Chí Đại       | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 14 | Nguyễn Văn Điền      | 10T4 | Chưa đạt | Tốt | Vắng thi lại |
| 15 | Lê Nguyễn Gia Huy    | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 16 | Phạm Minh Kha        | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 17 | Trần Đăng Khoa       | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 18 | Tiêu Văn Linh        | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 19 | Nguyễn Quốc Minh     | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 20 | Nguyễn Chí Ngoan     | 10T4 | Chưa đạt | Khá | Vắng thi lại |
| 21 | Nguyễn Nhật Nguyên   | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 22 | Phan Chí Nguyên      | 10T4 | Chưa đạt | Đạt |              |
| 23 | Nguyễn Vũ Ngưng      | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 24 | Võ Hồng Phân         | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 25 | Đặng Quốc Thái       | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 26 | Huỳnh Minh Thiện     | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 27 | Tăng Trí Thức        | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 28 | Nguyễn Trí Toàn      | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 29 | Trương Đăng Trường   | 10T4 | Chưa đạt | Khá |              |
| 30 | Ngô Ngọc Gia Tường   | 10T4 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 31 | Đinh Chí Hải         | 10X3 | Chưa đạt | Tốt | Vắng thi lại |
| 32 | Bùi Chí Thanh        | 10X3 | Chưa đạt | Tốt |              |
| 33 | Nguyễn Lê Tứ         | 10X4 | Chưa đạt | Khá | Vắng thi lại |

**DANH SÁCH HỌC SINH KHỐI 11 Ở LẠI LỚP NĂM HỌC 2024 - 2025**

| STT | Họ và tên            | Lớp  | Kết quả  |           | Ghi chú |
|-----|----------------------|------|----------|-----------|---------|
|     |                      |      | Học tập  | Rèn luyện |         |
| 1   | Lâm Nguyễn Duy Khang | 11T1 | Chưa đạt | Khá       |         |
| 2   | Huỳnh Tấn Quốc       | 11T1 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 3   | Nguyễn Đức Duy       | 11T2 | Chưa đạt | Đạt       |         |
| 4   | Lê Trung Hậu         | 11T3 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 5   | Phan Ngọc Hiền       | 11X1 | Chưa đạt | Đạt       |         |
| 6   | Đỗ Nhựt Anh          | 11X2 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 7   | Lê Lư Trí Bằng       | 11X3 | Chưa đạt | Tốt       |         |
| 8   | Lưu Chí Đại          | 11X3 | Chưa đạt | Tốt       |         |